Cuốn thứ ba

Năm Mậu-thân (1428), tháng ba, Nhà-vua hội hết cả các tướng cùng các quan văn, võ, định phong, hành thưởng. Cứ theo công cao, thấp, mà sắp đặt phẩm cấp. Lại chia trong nước làm mười lăm đạo. Mỗi đạo đặt quân coi giữ. Mỗi quân đặt một viên tổng-quản; lớn, nhỏ ràng-buộc nhau; trong ngoài gìn-giữ nhau. Các đạo lại đặt ra chức Hành-khiển, chia giữ sổ-sách quân và dân. Sai sứ đi các nơi, tế các thần kỳ của Núi, Sông, Đền, Miếu; lễ tạ các lăng-tẩm các triều vua trước. Truy-tôn các Tổ-tông và dâng thêm thụy hiệu.

Ngày mười bốn tháng tư, Nhà-vua lên ngôi Hoàng-đế, lấy niên hiệu là Thuận-thiên. Bèn sai Nguyễn-Trãi làm bài "Bình Ngô Đại Cáo". Lời rằng:

Bình Ngô Đại Cáo

Dịch âm

Đại Thiên hành Hóa, Hoàng-thượng nhược viết:
Nhân, nghĩa chi cử, vụ tại an dân.
Điếu phạt chi sư, mạc tiên khứ bạo,

平吳大誥

Duy ngã Đại Việt chi quốc,

Thực vi Văn-hiến chi bang.

Sơn, xuyên chi phong vực ký thù.

Năm Bắc chi phong tục diệc dị.

Việt Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc;

Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương.

Tuy cường, nhược thời hoặc bất đồng,

Nhi hào-kiệt thế vị thường phạp.

Cố Lưu Cung tham công nhi thủ bại.

Triệu Tiết hiếu đại nhi xúc vong;

Toa Đô kỳ cầm ư Hàm-tử quan;

Mã Nhi hựu ế ư Bạch-đằng hải.

Kê chư vãng-cổ,

Quyết hữu Minh-trưng.

Khoảnh nhân Hồ chính chi phiền-hà,

Trí sử nhân-tâm chi cán-bạn.

Cuồng Minh tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân;

Ngụy-đảng hoài gian, cánh dĩ mãi ngã quốc!

Phiến thương-sinh ư ngược diệm;

Hãm xích-tử ư họa khanh!

Khi thiên, võng dân, quỷ kế cái thiên-vạn trạng!

Liên binh, kết hấn, nẫm ác đãi nhị thập-niên!

Bại nghĩa, thương nhân, Kiền-khôn cơ-hồ dục tức!

Trọng khoa, hậu liễm, sơn trạch mỹ-hữu nghiết-đi!

Khai Kim trường tắc mạo lam chướng nhi phủ sơn đào sa!

Thái minh châu tắc xúc giao long nhi cắng yêu xám hải!

Nhiễu dân thiết huyền lộc chi hạm tịnh!

Điễn vật chức thúy cầm chi võng-la!

Côn-trùng, thảo-mộc, hàm bất đắc dĩ an kỳ sở;

Tuấn sinh-linh chi huyết, dĩ nhuật kiệt-hiệt chi vẩn nha?

Cực thổ, mộc chi công, dĩ sùng công, tư chi giải vũ!

Chân lý chi chinh, dao trụng khốn!

Lư-diêm chi trữ, trục giai không!

Quyết Đông-hải chi ba, bất túc dĩ trạc kỳ ô!

Khánh Nam-sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác!

Thần, nhân chi sở cộng phẫn!

Thiên địa chi sở bất dong!

Dư, phấn tích Lam-sơn,

Thê thân hoang-dã;

Niệm quốc thù khởi khả cộng đái.

Thệ nghịch-tặc nan dữ câu sinh!

Thống tâm, tật thủ giả, thùy thập dư niên!

Ngọa tần, thường đởm giả, cái phi nhất nhật!

Phát phẫm vong thực, mỗi nghiên đàm Thao-lược chi thư;

Tức cổ, nghiệm kim, tế suy cứu hưng, vong chi lý.

Đồ hồi chi chi,

Mụ-my bất vong!

Đương nghĩa binh sơ khởi chi thì,

Chính tặc thế phương trương chi nhật.

Nại dĩ: nhân-tài thu diệp!

Tuấn-kiệt thần tinh?

Bôn, tấu tiên, hậu giả ký phạp kỳ nhân!

Mưu-mô duy-ác giả hựu quả kỳ trợ!

Đặc-dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục Đông!

Cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư Tả!

Nhiên kỳ: đắc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương!

Do kỷ chi tâm, thâm ư chửng nịch!

Phẫn hung-đồ chi vị diệt;

Niệm quốc bộ chi do chuân;

Linh-sơn chi thực tận kiêm tuần!

Côi-huyện chi chúng vô nhất lữ!

Cái thiên dục khốn ngã dĩ giáng quyết nhiệm.

Cố dư ích lệ chi dĩ tế vu gian!

Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập!

Đầu giao hưởng sĩ, phụ-tử chi binh nhất tâm!

Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị.

Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ!

Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi diệt hung-tàn;

Dĩ chí nhân nhi địch cường-bạo.

Bồ-đằng chi đình khu điện xiết!

Trà-lân chi trúc phá, hôi phi!

Sĩ khi dĩ chi ích tăng!

Quân thanh dĩ chi đại chấn!

Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ, văn phong nhi trĩ phách!

Lý An, Phương Chính chi bối, giả tức dĩ thâu sinh!

Thừa thắng trường khu, Tây-kinh ký vi ngã hữu.

Tuyển phong tiến thủ, Đông-đô tận phục cựu cương.

Ninh-kiều chi huyết thành xuyên, lưu tính vạn lý!

Tốt-động chi thi mãn dã, di xú thiên niên!

Trần Hiệp tặc chi phúc tâm, ký cưu kỳ thủ!

Lý Lương tặc chi gian tố, hựu bộc quyết thi!

Vương Thông lý loạn nhi phần giả ích phần!

Mã Ánh cứu đấu nhi nộ giả ích nộ!

Bỉ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong!

Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất!

Vị bỉ bất địch tâm nhi cải lự.

Khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô!

Chấp nhất kỷ chi kiến nhi giá họa ư tha nhân;

Tham nhất thi chi công, nhi di tiếu ư thiên hạ!

Toại sử Tuyên-đức chi giảo đồng, độc binh vô yếm!

Viên mạnh Thạch, Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần!

Đinh-vị cửu nguyệt, Liễu Thăng tự dẫn binh, do Ôn-khâu nhi tiến.

Bản niên thập nguyệt, Mộc Thạnh diệc phân đạo tự Vân-nam nhi lai.

Dư tiền ký tuyển phục tốt tắc hiểm, dĩ tồi kỳ phong;

Hậu hựu diệu kỳ binh tiệt lộ, dĩ đoạn kỳ thực.

Thập-bát nhật, Liễu Thăng kỳ vi ngã sở công, kế trụy ư Chi-lăng chi dã!

Nhị-thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở bại thân tử ư Mã-yên chi sơn!

Nhị-thập-ngũ nhật, Bảo-định-bá Lương Minh trận hãm nhi táng khu!

Nhị-thập-bát nhật, Thượng-thư tào Lý Khánh, kế cùng nhi vẫn cảnh!

Ngã ký nghinh nhận nhi giải!

Bỉ tức đảo qua tương công!

Ký nhi tứ diện thiêm bình dĩ bao vi;

Ký dĩ thập-nguyệt trung tuần nhị điễu diệt.

Viên manh tỳ-hưu chi sĩ;

Thân sử trảo-nha chi thần;

Am-tượng nhi hà thủy cản!

Ma đao nhi sơn thạch khuyết!

Nhất cổ nhi kình khoa, ngạc đoạn!

Tái cổ nhi điểu tán, huân kinh!

Quyết hội nghĩ ư băng-đê!

Chấn cương-phong ư khô-diệp!

Đô-đốc Thôi Tụ tất hành nhi tống khoản!

Thượng-thư Hoàng Phúc diện phọc nhi tựu cầm!

Cương-thi tắc ư Lạng-sơn, Lạng-giang chi đồ!

Tiên huyết xích ư Xương-giang, Bình-than chi thủy!

Phong vân vị chi biến sắc!

Nhật, nguyệt thảm dĩ vô quang!

Kỳ Vân-nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê-quan, tự đồng nghi, khư-át nhi tiên dĩ quá đởm!

Ký Mộc Thạnh đẳng vi ngã quân sở bại ư Cần-trạm, toại lạn tạ, bôn hội nhi cận đắc thoát thân!

Lãnh-câu chi huyết chử lưu, giang thủy vị chi ô yết!

Đan-xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng!

Lưỡng lộ cứu binh, ký bất toàn chủng nhi câu bại!

Các thành cùng khấu, suất tương giải pháp dĩ xuất hàng!

Tặc thủ thành cầm, bỉ ký trạo khốn thú khất liên chi vĩ!

Thần-vũ bất sát, dư tiệc thể Thượng-đế hiếu sinh chi tâm!

Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã Kỳ đẳng, tiên cấp thuyền ngũ bách dư sưu, ký độ hải nhi do thả hồn phi phách táng!

Tổng-binh Vương Thông, Tham-chính Mã Ánh đẳng, hựu cấp mã sổ thiên dư thất, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật, tâm kinh!

Bỉ ký úy tử, tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành.

Dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dữ dăn đắc tức.

Phi duy kế mưu chi cực kỳ thâm-viễn;

Ức diệc cổ kim chi sở vị kiến-văn!

Xã-tắc dĩ chi điện-an.

Sơn xuyên dĩ chi cải quán.

Kiền-khôn ký bĩ nhi phục thái.

Nhật, Nguyệt, ký hối nhi phục minh.

Vu dĩ khai vạn thế thái-bình chi cơ!

Vu dĩ tuyết thiên-cổ vô cùng chi sỉ!

Cái do Thiên, Địa, Tổ, Tông chi linh hữu dĩ âm tướng, mặc-hựu nhi trí nhiên dã;

Ô-hô!

Nhất nhung đại định, bất thành vô cạnh chi công!

Từ hải vĩnh thành, đảm bá duy-tân chi cáo!

Bá cáo Thiên-hạ.

Hàm sử văn, tri!

Dịch nghĩa

Thay Trời giáo-hóa, Hoàng-thượng truyền rằng:

Làm việc trọng nhân vì nghĩa, cốt là yêu đám lương-dân.

Cất quân hỏi tội, cứu đời, trước phải trừ loài tàn-bạo!

Thử xét nước nhà: Đại Việt.

Vốn là xứ-sở văn-minh.

Cõi bờ của sông, núi đã chia.

Phong-tục của Bắc, Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, đã dựng thành một nước;

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều làm chúa một phương.

Dù mạnh yếu có lúc không đều;

Nhưng hào-kiệt chưa đời nào thiếu!

Cho nên: Triệu Tiết thích lớn mà mau mất!

Lưu Cung tham công mà hóa thua!

Mã Nhi đã chết ở bể Bạch-đằng!

Toa Đô lại tù ở ải Hàm-tử!

Xét về đời trước,

Gương đã rõ ràng!

Gần đây vì họ Hồ phép ngặt, lệnh phiền;

Đến nỗi khiến dân nước lòng lìa, dạ oán.

Giặc Minh dòm-dỏ, bèn mượn thế tàn dân!

Lũ nịnh gian-tham, nỡ cam lòng bán nước!

Đẩy con đỏ xuống hang tối!

Thui dân đen bằng lửa nồng!

Dối trời, lừa người, mẹo bày ra có nghìn muôn cách!

Tràn quân, gây chuyện, ác chứa lại ngót hai mươi năm!

Trái nghĩa, hại nhân, lẽ Trời Đất tưởng chừng tắt hẳn!

Thu nhiều, lấy nặng, lợi núi, chằm, vét chẳng sót đâu!

Kẻ khai mỏ vàng thì đào non, đãi cát, mà nước độc dám nài.

Người lấy ngọc trai thì lặn biển dấn thân mà rồng thiêng chẳng quản.

Giết-hại vật thì dệt ra lưới bắt chim trả!

Quấy rối dân thì đặt ra bẫy bắt hươu đen!

Bọn long-đong côi-cút, đều không tìm được chỗ nương thân!

Dù sâu, bọ, cỏ, cây, cũng không biết có ngày vui sống!

Béo nanh, miệng, bao phường kiệt-kiêệt, rút-bòn máu-mủ sinh-linh!

Đẹp đền-đài khắp ngã công, tư, hoài-phí công trình xây-dựng.

Nơi châu-quận, thuế-sưu nặng lắm!

Miền nhà quê khung-cửi sạch không!

Tháo biển Đông cho cạn sông, không đủ để gột hết dơ!

Chặt núi Nam cho trụi tre, không đủ để chép hết tội!

Thần, Dân đều phải căm giận!

Trời, Đất, lẽ nào có đúng!

Ta, cất bước núi Lam:

Nương thân nội cỏ.

Nghĩ thù nước, Trời không chung đội!

Thề giặc ngoài, thế chẳng sống đôi!

Vò đầu, nát ruột, kể đã hơn mười năm!

Nếm mật, nằm chông, nào phải mới một sớm!

Quên bữa chỉ vì lòng tức-bực, sách lược-thao thường vẫn đọc, bàn.

Theo xưa mà nghiệm việc đời nay, lẽ hưng-phế kỹ-càng suy-xét.

Tấm lòng khôi-phục.

Thức, ngủ không quên!

Quân nghĩa ta mới nổi lúc đầu,

Thế giặc nó chính đương còn mạnh.

Khốn nổi: tuấn-kiệt như sao buổi sớm!

Nhân-tài như lá mùa thu!

Bên mình thua, chạy, đã thiếu tay sai;

Trong trướng tính-toan lại ít người giúp.

Nhưng sốt ruột cứu bầy dân-chúng, thường bồn-chồn muốn đánh sang Đông;

Nên sắp xe đợi bậc hiền-tài, vẫn thành-kính bỏ không phía Tả.

Thế nhưng: mờ-mịt như trông ra bể, người có thấy ai!

Vội vàng hơn vớt đắm đò, ta nào nản dạ!

Giận lũ giặc chưa đến ngày tuyệt diệt!

Thương nước-nhà còn đương bước long-đong!

Cơm Linh-sơn chịu thiếu hàng tuần!

Quân Côi-huyện không còn thành đội!

Chắc trời muốn thử người để giao cho công-việc;

Nên Ta càng gắng chí, để vượt khỏi gian-nan!

Vỉ bẻ làm cờ, dân cầy-cuốc nổi theo tứ phía!

Rượu hòa thêm nước, quân cha-con vốn dốc một lòng!

Đánh người hoặc nhân lúc hở cơ, yếu đè được mạnh!

Bày kế thường đặt quân mai phục, ít địch nổi nhiều.

Rút lại: lấy đại-nghĩa mà diệt lũ hung-tàn;

Lấy chí-nhân mà thay được phường cường-bạo.

Quân Đồ-bằng sấm vang, chớp nhoáng!

Giặc Trà-lạn nứa chẻ, tro bay!

Hăng-hái vì thế tăng thêm;

Tiếng-tăm từ đó lừng-lẫy!

Lũ Trần Trí, Sơn Thọ, vía tan theo gió!

Bọn Lý An, Phương Chính, sống tạm từng hơi!

Thừa thắng đuổi dà, chiếm-cứ được thành Tây-kinh trước.

Kén tài tiến đánh, thu phục hết đất Đông-đô xưa!

Ninh-kiều máu chảy thành sông, tanh lây muôn dặm!

Tốt-động thây nằm đầy nội, để thối nghìn thu!

Lý Lương là sâu mọt dân, ta đã đem phanh xác!

Trần Hiệp là tay chân quân giặc, cũng bị bêu đầu!

Vương Thông dẹp loạn mà nơi cháy lại cháy thêm.

Mã Ánh gỡ đòn mà kẻ giận càng giận dữ!

Trí đã cùn, sức đã kiệt, chúng bó tay đợi chết biết sao!

Phá bằng mưu, công bằng lòng, ta không đánh mà được là thế.

Tưởng chúng tất biết nghĩ và đổi bụng-dạ.

Nào ngờ còn gây chuyện để thêm tội-tình.

Gieo tai-vạ cho kẻ khác, chỉ chấp theo ý-kiến riêng mình.

Làm trò cười cho người đời, bởi tham được thành công chốc lát.

Xui-khiến thằng nhãi ranh Tuyên đức, không chán dụng binh!

Bèn sai phường tướng khổ Thạnh, Thăng, đem dầu chữa cháy!

Tháng chín Đinh-mùi Liễu Thăng tự dẫn quân do Ôn-khâu tiến đánh.

Tháng mười năm ấy, Mộc Thạnh cũng chia ngả từ Vân-nam kéo sang.

Ta: Trước đã kén quân phục nấp nơi hiểm-yếu, đánh cho tan đội tiên-phong.

Sau lại cho kỳ-binh chẹn lối đi về, cắt cho đứt đường lương-thực.

Ngày mười-tám, mắc mưu ở ải Chi-lăng, Liễu Thăng đã bị ta đánh bại!

Ngày hai-mươi, thua trận ở núi Yên-ngựa, Liễu Thăng lại bị ta chém đầu!

Ngay hai mươi lăm, Bảo-định-bá là Lương Minh, trận vỡ phải liều mình.

Ngày hai mươi tám, Thượng thư Tào là Lý Khánh kế cùn tự đâm cổ!

Ta đã tiến đâu được đấy!

Nó liền giở giáo đánh nhau,

Kế đó thêm quân bốn mặt để bao vây!

Hẹn đến trung tuần tháng mười là diệt hết!

Bèn sai các tướng nanh-vuốt,

Đem theo những lính hùm-beo,

Voi uống mà cạn nước sông!

Dao mà đủ lở đá núi!

Một trận mà băm kình, chém ngạc!

Hai trận mà xẩy nghé, tan đàn!

Tưới tổ kiến bằng thế nước tràn!

Rung lá khô bằng làn gió mạnh.

Đô-đốc Thôi Tụ quỳ gối mà đưa lễ;

Thượng-thư Hoàng Phúc, trơ mặt mà nộp mình!

Xác chết đầy cả đường Lạng-sơn, Lạng-giang!

Máu chảy đỏ cả nước Bình-than, Xương-thủy!

Muôn dặm gió, mây, đổi màu ảm-đạm!

Hai vầng nhật, nguyệt, ánh-sáng lu mờ!

Quân Vân-nam bị ta chẹn lối ở Lê-quan, tự ngờ sợ, bàng-hoàng, mà vỡ cả mật!

Bọn Mộc Thạnh bị ta đánh bại ở Cần-trạm, tự giầy xéo, tan vỡ, chỉ thoát được thân!

Lãnh-câu máu chảy trôi chầy, nước sông khóc thảm!

Đan-xá thây chồng bằng núi, cỏ nội đẫm hồng!

Quân cứu hai đường, chưa kịp quanh chân đã vỡ!

Giặc tàn các ngả, cùng nhau cởi giáp xin hàng!

Tướng giặc bị tù, thú sa bẫy đã vẫy đuôi xin mạng!

Oai thần không giết, Trời chí công nên mở lượng hiếu sinh!

Bọn Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã Kỳ, cấp trước cho hơn năm trăm thuyền, vượt bể rồi mà vẫn hồn xiêu, vía lạc.

Bọn Tổng-binh Vương Thông, Tham-chính Mã Ánh, về nước rồi mà còn lòng khiếp người run!

Nó đã tham sống, sợ chết, mà thực bụng giảng hòa.

Ta lấy toàn quân là hơn, để cho dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu-kế thực sâu-xa tột bực!

Mà cũng xưa nay chưa nghe thấy bao giờ!

Non sông rày đã khác xưa!

Xã-tắc từ đây yên vững!

Ánh Ác, Thỏ tối rồi lại sáng!

Lẽ Kiền-khôn cùng mãi phải thông!

Để gây-dựng nền thái-bình cho muôn đời!

Để gội-rửa nhục vô-cùng cho cả nước!

Cũng là nhờ Trời, Đất, Tổ-tông linh-thiêng, đã ngấm-ngầm phù-hộ mà được như thế này!

Than ôi! Mảng giáp dẹp yên hết cả, gây được nên công-nghiệp phi thường.

Bốn phương phẳng-lặng từ nay, bảo cho biết cuộc đời đổi mới.

Bá cáo thiên-hạ,

Đâu đấy đều hay!

Trích-lục Bản dịch của cụ Bùi Kỷ

Tượng mảng:

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điếu-phạt chỉ vì khử bạo,

Như nước Việt ta từ trước,

Vốn xưng văn-hiến đã lâu,

Sơn-hà cương-vực đã chia,

Phong-tục bắc nam cũng khác.

Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cứ một phương,

Dẫu cường nhược có lúc khác nhau,

Song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên

Lưu Cung sợ uy mất vía,

Triệu Tiết nghe tiếng giật mình,

Cửa Hàm-tử giết tươi Toa Đô,

Sông Bạch-đằng bắt sống Ô Mã,

Xét xem cổ-tích,

Đã có minh-trưng,

Vừa rồi

Vì họ Hồ chính-sự phiền-hà,

Để trong nước nhân-dân oán bạn,

Quân cường Minh đã thừa-cơ tứ ngược,

Bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh,

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn,

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ.

Chước dối đủ muôn nghìn khoé,

Ác chứa ngót hai mươi năm.

Bại nhân-nghĩa nát cả càn-khôn,

Nặng khóa-liễm vét không sơn-trạch

Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu,

Nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim trả,

Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc,

Nheo-nhóc thay! quan quả diên liên

Kẻ há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy! no-nê chưa chán,

Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa,

Nặng-nề về những nỗi phu-phen,

Bắt-bớ mất cả nghề canh-cửi.

Độc-ác thay! trúc rừng không ghi hết tội,

Dơ-bẩn thay! nước bể khôn rửa sạch mùi,

Lẽ nào trời đất tha cho,

Ai bảo thần-nhân nhịn được.

Ta đây:

Núi Lam-sơn dấy nghĩa,

Chốn hoang-dã nương mình,

Ngắm non sông căm nổi thế thù,

Thề sống chết cùng quân nghịch-tặc,

Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,

Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối,

Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tinh,

Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng-phế đắn-đo càng kỹ.

Những trằn-trọc trong cơn mộng-mị,

Chỉ băn-khoăn một nỗi đồ hồi.

Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,

Chính lúc quân thù đang thịnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn-kiệt như sao buổi sớm,

Nhân-tài như lá mùa thu,

Việc bôn-tẩu thiếu kẻ đỡ-đần,

Nơi duy ác hiếm người bàn-bạc.

Đôi phen vùng-vẫy, vẫn đăm-đăm con mắt dục đông

Mấy thủa đợi chờ, luống đằng-đẵng cỗ xe hư-tả,

Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt-mù như kẻ vọng dương,

Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chửng nịch,

Phần thì giận hung-đồ ngang-dọc,

Phần thì lo quốc-bộ khó-khăn,

Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần,

Khi Khôi-huyện quân không một đội,

Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma,

Cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử.

Múa đầu gậy ngọn cờ phất-phới, ngóng vân-nghê bốn cõi đan hồ,

Mở tiệc quân chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ-tử.

Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi,

Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung-tàn,

Lấy chí nhân mà thay cường-bạo.

Trận Bồ-đằng sấm vang sét dậy,

Miền Trà-lân trúc phá tro bay,

Sĩ-khí đã hăng,

Quân-thanh càng mạnh,

Trần Trí, Sơn Thọ, mất vía chạy tan.

Phương Chính, Quý An tìm đường trốn-tránh.

Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc.

Lấy Đông-đô thu lại cõi xưa,

Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông,

Bến Tụy-động xác đầy ngoài nội.

Trần Hiệp đã thiệt mạng,

Lý Lương lại phơi thây.

Vương Thông hết cấp lo-lường,

Mã Anh khôn đường cứu-đỡ

Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao,

Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất.

Tưởng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui,

Ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội-nghiệt.

Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người,

Tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dở-duốc.

Đến nỗi đứa trẻ con như Tuyên-đức, nhàm võ không thôi.

Lại sai đồ nhút-nhát như Thạnh, Thăng đem đầu chữa cháy.

Năm Đinh-mùi tháng chín,

Liễu Thăng tự Khâu-ôn tiến sang ***[1]***,
Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến.

Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc-quân,

Ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương-đạo.

Mười-tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lăng ***[2]***,
Hai-mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên,

Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong,

Hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn,

Lưỡi dao ta đang sắc,

Ngọn giáo giặc phải lùi,

Lại thêm quân bốn mặt vây thành

Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc.

Sĩ-tốt ra oai tì-hổ,

Thần-thứ đủ mặt trảo nha.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,

Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Đánh một trận sạch không kinh-ngạc.

Đánh hai trận tan-tác chim-muông.

Cơn gió to trút sạch lá khô,

Tổ kiến hổng sụt toang đê cũ.

Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi,

Hoàng Phúc tự trói để hàng.

Lạng-giang, Lạng-sơn, thây chất đầy đồng,

Xương-giang, Bình-than, máu trôi đỏ nước.

Ghê-gớm thay! sắc phong-vân phải đổi,

Thảm-đạm thay! sáng nhật-nguyệt phải mờ.

Binh Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mật.

Quân Mộc Thạnh tan chưng Cần-trạm, chạy để thoát thân,

Suối máu Lãnh-câu, nước sông rền-rĩ,

Thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-đìa.

Hai mặt cứu-binh, cắm đầu trốn chạy,

Các thành cùng khấu, cởi giáp xuống đầu.

Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội,

Thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh.

Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực,

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ-hôi.

Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú-phục,

Ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ-ngơi.

Thế mới là mưu-kế thật khôn,

Vả lại suốt xưa nay chưa có.

Giang-san từ đây mở mặt,

Xã-tắc từ đây vững-bền.

Nhất-nguyệt hối mà lại minh,

Kiền-khôn bĩ mà lại thái.

Nền vạn thế xây nên chăn-chắn.

Thẹn nghìn thu rửa sạch làu-làu.

Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiêng giúp-đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!

Vẫy vùng một mảnh nhung-y, nên công đại định.

Phẳng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh,

Bá cáo xa gần,

Ngỏ cùng nghe biết.

*

*   *

Nguyên trước Nhà-vua kinh-doanh việc bốn phương, Bắc đánh giặc Minh, Nam đuổi quân Lào, mình trải trăm trận, đến đâu được đấy, chỉ dùng có quan võ là bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Vấn, Lê Lý, Lê Ngân, ba mươi lăm người; quan văn là bọn Lê văn Linh, Lê quốc Hưng; cùng những quân-thân như cha, con; hai trăm thiết-kỵ, hai trăm nghĩa-sĩ, hai trăm dũng-sĩ và mười bốn thớt voi. Còn bọn chuyên-chở lương-thảo, cùng già yếu đi hộ-vệ vợ con, cũng chỉ hai nghìn người mà thôi.

Trước đó có tên Hồ Ông, là con đứa ăn-mày, đổi tên là Cầm Quý, nhận bảo là con-cháu vua Trần. Khi ấy người trong nước khổ vì những chính-lệnh ngặt-nghèo của giặc, mong tìm được người làm chủ. Mà Nhà-vua thì nóng lòng muốn diệt giặc cứu dân, bèn sai người đón dựng làm vua, để quyền-nghi công-việc một thì, nên ban đầu cũng chẳng kén-chọn gì hiền hay ngu, thực hay giả. Sau khi giặc yên, các quan đều dâng sớ cố sức can. Cho là Hồ Ông không có công gì với dân, sao đáng ăn trên ngôi trước mọi người, nên trừ đi cho sớm.

Nhà-vua biết thế là phải, nhưng lòng còn không nỡ, lại càng hậu-đãi thêm.

Hắn tự biết người trong nước không phục, trong lòng hổ thẹn, bèn ngầm cùng tên giặc là Văn Duệ thông mưu làm phản, để cho mau đáng tội chết! Chẳng phải "tự mình làm mình" thì đâu đến nỗi thế!

Trong khi muôn việc có rỗi, Nhà-vua thường cùng các quan bàn-luận về duyên-cớ thịnh suy, được, mất từ xưa đến nay. Cùng là giặc Ngô sở dĩ thua, Nhà-vua sở dĩ thắng là vì cớ làm sao?

Các quan đều nói rằng:

- Người Ngô hình-phạt tàn-ác, chính-lệnh ngổ-ngược, mất hết cả lòng dân. Nhà-vua làm trái lại đạo của chúng, lấy nhân mà thay bạo, lấy trị mà thay loạn, vì thế cho nên thành công được mau-chóng là thế!

Nhà-vua phán rằng:

- Lời các thầy nói, tuy là đúng lẽ, nhưng cũng còn có điều chưa biết. Trẫm trước gặp lúc loạn-ly, nương mình ở Lam-sơn, vốn cũng mong giữ toàn được tính-mệnh mà thôi! Ban đầu cũng không có lòng muốn lấy thiên-hạ. Đến khi quân giặc càng ngày càng tàn-ác, dân không sao sống nổi! Bao nhiêu người trí-

thức, đều bị chúng hãm-hại. Trẫm đã chịu khánh-kiệt cả gia-tài để thờ-phụng chúng! Vậy mà chúng vẫn đem lòng muốn hại Trẫm, không chịu buông tha! Việc khởi nghĩa, thực cũng là bất-đắc-dĩ mà Trẫm phải làm! Trong lúc ấy, Trẫm thân trọ quê người, vợ, con, thân-thích, đều tán-lạc hết! Cơm không đủ hai bữa! Áo không phân Đông, Hè! Lần gặp nạn ở núi Chí-linh, quân thua, lương hết! Trời kia bắt lòng ta phải khổ, trí ta phải mệt, đến thế là cùng! ... Trẫm thường dụ bảo các tướng-sĩ rằng: "Hoạn-nạn mới gây nổi nước! Lo-phiền mới đúc nên tài! Cái khốn-khổ ngày nay là trời thử ta đó mà thôi! Các thầy nên giữ vững lòng xưa, cẩn-thận, chớ vì thế mà chán-nản". Vậy mà tướng-sĩ cũng dần dần lẩn trốn! Theo Trẫm trong cơn hoạn-nạn, mười người không được lấy một, hai! Còn bỏ Trẫm mà đi, thì đại-loại là phường ấy cả! Kể như lúc ấy, nào ngờ lại có ngày nay! May mà Trời chán đứa giặc! Phàm lúc giặc làm cho Trẫm cùn, trí Trẫm lại càng thêm rộng! Phàm cách giặc làm cho Trẫm khổ, lòng Trẫm lại càng thêm bền. Trước kia quân-lính đói thiếu, giờ lại nhờ lương của giặc mà số trừ-súc của ta càng sẵn! Trước kia quân-lính lẩn-trốn, giờ lại mượn binh của giặc, mà trở giáo để chúng

đánh nhau! Giặc có bao nhiêu mác, mộc, cung, tên, ấy là giúp cho ta dùng làm chiến-cụ! Giặc có bao nhiêu bạc, vàng, của báu, ấy là cung cho ta lấy làm quân-lương! Cái mà chúng muốn dùng để hại ta, lại trở lại làm hại chúng! Cái mà chúng muốn dùng để đánh ta, lại trở lại để đánh chúng! Chẳng những thế mà thôi: Kìa như nước Ai-lao, với Trẫm là nước láng-giềng, trước vẫn cùng nhau giao-hảo. Khi Trẫm bị giặc vây khốn, đem quân sang nương-nhờ. Nghĩ rằng môi hở, răng lạnh, thế nào chúng cũng chứa ta! Nào ngờ quân dạ thú, lòng lang, thấy ta bị tai-vạ, thì lấy làm vua-sướng! Rồi thông tin với giặc, ngầm chứa mưu gian, muốn để bắt vợ con của quân ta! Vậy mà ta tìm cách để đối-phó với chúng, thật là thong thả có thừa! Nó vốn trông vào quân giặc để đánh-úp ta! Ta cũng nhân vào thế nó, để đánh lui giặc! Nó vốn lấy khách đãi ta! Ta cũng lấy khách mà xử nó! Phàm ý nó muốn làm gì, ta tất biết trước! Vẻ nó muốn động đâu, ta tất chẹn trước! Cho nên có thể lấy đất đai của nó, làm nơi chứa quân cho ta; lấy hiểm-trở của nó, làm nơi lừa giặc của ta! Binh-pháp dạy: "Lấy khách làm chủ, lấy chủ làm khách", có lẽ là như thế chăng? Thế nhưng Trẫm đối-đãi với ai cũng hết lòng

thành-thực. Thà người phụ ta, ta chớ phụ người! Phàm kẻ bất bình vì một việc nhỏ, mà đem lòng kia khác, Trẫm thường tha thứ, dong cho có lối đổi lỗi. Tuy nhiều khi chúng trở mặt làm thù ngay, nhưng Trẫm thường tin-dùng như gan-dạ! Biết đổi lỗi thì thôi, không bới lông tìm vết làm gì! Ấy cũng là bởi Trẫm trải nhiều lo nghĩ, nếm đủ gian-nan, cho nên biết nén lòng nhịn tức, không lấy việc nhỏ mà hại nghĩa lớn, không lấy ý gần mà nhãng mưu xa. Trong khoảng vua, tôi, lấy nghĩa cả mà xử với nhau, thân như ruột thịt, có gì mà phải ngờ-vực. Thế cho nên có thể được lòng người, mà ai ai cũng vui lòng tin theo. Tuy vậy, trong khi hoạn-nạn, mười chết, một sống, kể lâm vào nguy-hiểm là thường! Ngày nay may được thành công, là do Hoàng-Thiên giúp-đỡ, mà Tổ Tiên Trẫm chứa nhân tích đức đã lâu, cũng ngấm-ngầm phù-hộ, cho nên mới được thế. Đời sau kẻ làm con-cháu Trẫm, hưởng cái giàu-sang ấy, thì phải nghĩ đến Tổ, Tông Trẫm tích-lũy nhân-đức đã bao nhiêu là ngày, tháng; cùng công-phu Trẫm khai sáng cơ-nghiệp bao nhiêu là khó khăn! Mặc những gấm-vóc rực-rỡ, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa áo, quần lam-lũ, không kể Đông, Hè! Hưởng những cổ-bàn

ngon-lành, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa hàng tháng thiếu lương, chịu đói nhịn khát! Thấy đền-đài lộng-lẫy, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa ăn mưa, nằm cát, trốn lủi núi rừng! Thấy cung-tần đông, đẹp, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa thất-thểu quê người, vợ con tan-tác! Nên nhớ rằng Mệnh Trời nào chắc được không thường, tất phải suy-tính nỗi khó khi mưu-toan việc dễ. Nghiệp lớn khó gây mà dễ hỏng, tất phải cẩn-thận lúc đầu mà lo tính về sau. Phải đề-phòng đầu mối họa-loạn, có khi vì yên-ổn mà gây nên. Phải đón-ngăn ý-nghĩ kiêu-xa, có khi vì sung-sướng mà sinh sự! Có như thế thì họa là mới giữ-gìn được. Nên Trẫm nghĩ làm ra bộ sách này, thực là rất trông-mong cho con-cháu đời sau!

[1] Tiếng sang với cháy không theo niêm.

[2] Tiếng lăng với đạo không theo niêm. Hai chỗ này là tự-sự có thể dùng lối tản hành, không theo niêm cũng được.

Phụ lục

Lời bình[1]

Âm không cùng thì Dương không nẩy. Loạn không cực thì đức không sinh. Đó là lời bàn thông-thường xưa, nay! Nước Việt ta từ nhà Nhuận-Hồ trái

đạo, trong nước mất trông mong. Người Minh nhân dịp ấy đem quân sang lấn. Giả-vờ làm quân nhân-nghĩa; ngấm-ngầm tính việc xâm-lăng! Tàn-hại nhândân; cướp lấy của báu. Rồi đó gồm nuốt nước ta, chia đặt quận, huyện. Thay-đổi phong-tục của ta; hiếp trao quan-tước của họ. Dân ta trong lúc ấy, đã khổ về chính-lệnh nhà Hồ nghiêm-ngặt, lại thảm nỗi quan-lại bên Minh rút-bòn! Quần-chúng thở-than, không kêu-gọi vào đâu cho được! Dù đương-thời có những trang quyền-biến, trí-thức, cũng chẳng qua náu hình, lẩn bóng, tránh tiếng, trốn đời để giữ mình cho khỏi bị hại mà thôi!

Ví không có bậc Thánh-nhân ra, thu lại đám dân tan-tác, cứu cho vận nước long-đong, thì ngôn-ngữ ta đã nói theo Tàu; áo-mũ ta đã mặc theo Tàu, dân-chúng biết lấy ai nương-nhờ? Ngôi nước biết bao giờ khôi-phục?

Trời giúp nước ta, đốc sinh ra đức.

Thái-tổ Cao hoàng-đế chúng ta, lấy tài thông-minh, trí, dũng; làm việc hỏi tội, cứu dân. Trong lúc mới cất quân khởi nghĩa; Không để cho quan-tước dụ nổi; không để cho oai-thế hiếp nổi. Tuy gặp lúc nhiễu-nhương, mà lòng càng vững; trải cơn cùn-quẫn

mà chí càng hăng. Tới khi tiếng nghĩa đồn dậy, gươm thần vung dài, mà các dũng-tướng, mưu-thần xúm lại như mây họp! Tướng võ thì bọn Trịnh Khả, Lê Xí, thường lập được công to. Tướng văn thì bọn Nguyễn Trãi, Văn Linh, hằng bày ra kế giỏi... Cho nên có thể lấy được ít mà địch được nhiều, lấy yếu mà chống nổi mạnh! Vả chăng trong lúc xông-pha hàng trận, không quên nghiên-cứu lược-thao. Có khi đặt mai-phục mà dùng kỳ-binh. Có khi nó định lừa mà ta phản lại! Tiến quân Vua như chẻ cây nứa! Phá lũ giặc như bẻ cành khô! Các tướng bên Minh, dùng hùng-hổ như bọn Liễu Thăng, Lương Minh, đều thua trận mà mất đàu! mưu-trí như bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc, cũng hết kế mà dương mắt! Lũ giặc hơn hai mươi năm, quét trừ trong một sớm! Mặt non sông từ đó đổi mới! Ánh Nhật, Nguyệt, từ đó lại trong! Đất-cát lại đất-cát nước Nam! Nhân-dân lại nhân-dân giống Việt! Áo-xiêm, phong-tục, lại đúng như xưa! Nền-nếp, mối-giềng, lại sáng như cũ! Nhà-vua đã làm xong việc đuổi trừ quân tàn-bạo, lại suy rộng tấm lòng "không ham giết người". Phàm những quân, tướng người Minh bị bắt, đều cấp thuyền cho đưa về nước, khiến cho hơn mười vạn người được đội đức tái sinh. Nếu

chẳng phải bậc Thần Võ không cần giết người, có sao được thế? Gia-dĩ hiểu đạo giao-hảo láng-giềng, rõ nghĩa tôn-trọng nước lớn. Liền sai sứ-thần, sửa lại việc hòa-hảo cũ. Tỏ ra rằng: công-việc thuận trời, giữ nước, nếu chẳng phải bậc người hiểu sâu về nghĩa-ý của Thánh-hiền, có dễ được như thế đâu!

Xin xét về đời cổ mà bình-phẩm chuyện đó: Vũ-đế nhà Triệu cùng vua Hán đều tự làm vua nước mình, gồm có đất ở ngoài Ngũ-lĩnh, đóng đô ở Phiên-ngu, thật là vua anh-hùng. Thế nhưng chẳng qua cũng là một người Tàu sang cai-trị nước ta, chưa được chính-thống. Vua Tiên-hoàng nhà Đinh, đánh tan mười hai Sứ-quân, thống nhất được bản-đồ, dựng nên nước ta, thực là vua chính-thống. Thế nhưng lỡ vì không cẩn-thận đề-phòng việc nhỏ, gây ra sự chẳng lành, mà nước cũng mất theo. Vua Thái-tổ nhà Lý, nhân vua Ngọa-triệu thất đức, bèn có Thiên-hạ. Nhưng về nghĩa vua, tôi, sai, trái danh-phận, không thể không mang thẹn ở trong Trời, Đất! Vua Thái-tông nhà Trần, nhân vua Chiêu-hoàng quá yêu, bèn chiếm ngôi báu; nhưng về trong buồng-the, ở lỗi đạo hằng, không thể không để cười mãi đến muôn đời! Còn Nhà-vua thì từ núi Lam mà khởi nghĩa, giận giặc

Tàu mà cất quân. Rút lại có thể lấy nhân mà giết lũ bất nhân; lấy chính mà đánh phường bất chính; khôi-phục nước ta sau hồi giặc Minh; gồm lấy thiên-hạ ở tay người Minh ... Tới khi mảnh giáp dẹp yên, bốn phương phẳng-lặng, ban lời đại-cáo, để lên ngôi vua. Được nước như vậy kể rất là chính-đáng. Sách dạy rằng: "Người quân-tử trọng sự ở cho chính". Lại nói rằng: Bậc vương-giả trọng sự nhất-thống". Nhà-vua đã được như thế vậy! Lại rõ mực-thước trị nước, biết phép-tắc truyền nhà, soạn ra sách Thực Lục, bày-tỏ nỗi khó-khăn gây nên vương-nghiệp, để răn-bảo con-cháu đời sau: chớ lấy giàu-sang mà sinh kiêu-xa; chớ lấy yên-vui mà nhãng phòng-ngừa. Ấy, dựng nghiệp, để mối là thế! Kìa những việc làm của các vua Triệu, Đinh, Lý, Trần, có sánh bì đâu được một phần muôn?

Công-đức của Nhà-vua to-tát: đất rộng, trời dài!

Ân-trạch của Nhà-vua thấm-nhuần: non cao, biển cả!

Vậy thì Tông-miếu được bền. Đế-nghiệp được vững, cho đến ức, vạn năm, đều là nhờ ở công, đức của Nhà-vua gây nên vậy.

[1] Của các quan đời Vĩnh-trị.

Bạt

Cuốn "Lam-sơn thực lục" có phải do tay Nguyễn Trãi viết không?

Đọc văn bia Vĩnh-lăng, theo bản trường Viễn-đông Bác-cổ đã dập được và in ra, ta thấy đoạn đầu văn bia ấy tức là đoạn đầu cuốn sách này. Văn bia ấy là của Nguyễn Trãi soạn, vậy cuốn sách này tức cũng do Nguyễn Trãi soạn. Một là vì giọng văn rất giống nhau. Hai là vì không có lẽ ông Trãi là một tay văn-hào, phụng sắc viết bia, kể cũng là một việc trọng, lại lười mà chép cả đoạn ở một cuốn sách do người khác viết như vậy. Ba là vì trong sách chỉ nhắc đến Nguyễn Trãi về việc giữ giấy tờ trong quân và viết bài Bình Ngô đại cáo. Còn chỗ nói đến các văn-thần có công giúp Nhà-vua mở nước, thì chỉ kể có Lê văn Linh và Bùi quốc Hưng. Ấy là ông Trãi tự mình khiêm-tốn không dám tự-nhận là hạng khai-quốc nguyên-huân. Nếu người khác viết thì có lẽ nào chỗ đó lại bỏ tên Nguyễn Trãi cho được?

Vậy thì sao trong lời tựa vua Lê Thái-tổ lại tự nói là mình viết? Mà trong lời bình người sau lại cũng nhận là của Nhà-vua viết? Cái đó không có gì lạ:

Nhà-vua sai ông Trãi viết hộ mình, cũng như viết hộ bài Bình Ngô đại cáo mà thôi. Đọc suốt cuốn sách mà coi, nếu quả vua Lê tự viết, thì dù Ngài hiếu thắng đến đâu, cũng không tự tán-tụng mình đến như thế! Huống chi Nhà-vua lại không phải người hiếu thắng. Về việc lấy nước làm vua, một thì rằng: Bản chí cũng muốn yên thân, không có lòng muốn lấy thiên-hạ; hai thì rằng: Nhờ Tổ-tiên nhân đức, trời, đất, phù-hộ, nên mới được thế! Cho đến dưới bài tựa cũng chỉ xưng mình là Chúa động Lam-sơn, cái hiệu lúc còn làm một vị "lang mường" nho-nhỏ, ...

Tiếc rằng sách đã qua tay các quan đời Vĩnh-trị được vua cho phép đem các sách riêng của họ mà bù thêm vào! Họ bù thêm vào được cái gì? Được mấy đoạn truyện thì hoang-đường, văn thì dốt-nát, mà tôi đã vạch ra trong khi dịch...

Trừ cái vết nhỏ ấy ra, thì "Lam-sơn thực lục" chính là một hòn ngọc ở trong mớ sử-liệu nước nhà. Cái giá-trị nó ở chỗ người đương-thời chép việc đương-thời. Đối với các sử-gia, những tài liệu như thế chẳng phải là dễ kiếm.

Vì lẽ ấy, tôi dịch "Lam-sơn thực lục"

Đêm Thất-tịch Giáp-thân (1944)

Tại nhà xuất-bản Tân Việt

Bảo Thần